

Số: 12 /GPMT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế;
Căn cứ Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất men frit và men gốm sứ cao cấp, công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm;
Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-KKTCN ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy sản xuất men frit và men gốm sứ cao cấp, công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm;
Xét nội dung Biên bản kiểm tra của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất men frit và men gốm sứ cao cấp, công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm ngày 07/9/2022;
Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Công nghệ Frit Phú Sơn số 232/2022/CV-PS ngày 12/10/2022 của Dự án Nhà máy sản xuất men frit và men gốm sứ cao cấp, công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm đã được chỉnh sửa, bổ sung (kèm theo hồ sơ);
Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 269/TTr-BQLKTCN ngày 22 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Công nghệ Frit Phú Sơn, địa chỉ tại Lô CN 17, KCN Phú Đa, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản

xuất men frit và men gốm sứ cao cấp, công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm tại Lô CN 17, KCN Phú Đa, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất men frit và men gốm sứ cao cấp, công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN 17, KCN Phú Đa, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

1.3. Quyết định chủ trương đầu tư số 206/QĐ-KKTCN ngày 02/11/2018

1.4. Mã số thuế: 3301633097

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất men frit, men gốm sứ

1.6. Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích sử dụng đất: khoảng 4,8 ha;

- Công suất thiết kế: Khoảng 30.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Công nghệ Frit Phú Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBND huyện Phú Vang;
- Ban Quản lý KKTCN;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Công ty Cổ phần Công nghệ Frit Phú Sơn;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn khí thải phát sinh: từ hoạt động của lò nung (sử dụng nhiên liệu khí than), lò quay (sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng (LPG)) và lò sấy cát (sử dụng nhiên liệu củi trấu,...).

- Nguồn số 01: khí thải phát sinh từ hoạt động của lò nung số 1;
- Nguồn số 02: khí thải phát sinh từ hoạt động của lò nung số 2;
- Nguồn số 03: khí thải phát sinh từ hoạt động của lò nung số 3;
- Nguồn số 04: khí thải phát sinh từ hoạt động của lò quay số 1;
- Nguồn số 05: khí thải phát sinh từ hoạt động của lò quay số 2;
- Nguồn số 06: khí thải phát sinh từ hoạt động của lò sấy cát số 1;
- Nguồn số 07: khí thải phát sinh từ hoạt động của lò sấy cát số 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Dòng khí thải sau xử lý xả vào môi trường không khí từ hoạt động của 3 lò nung, 2 lò quay, 2 lò sấy cát.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiều 3^0), cụ thể:

Stt	Ống khói	Vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN- 2.000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiều 3^0)	
		X(m)	Y(m)
1	Lò nung số 1	1.819.449	577.208
2	Lò nung số 2	1.819.458	577.219
3	Lò nung số 3	1.819.469	577.230
4	Lò quay số 1	1.819.467	577.190
5	Lò quay số 2	1.819.478	577.197
6	Lò sấy cát số 1	1.819.487	577.209
7	Lò sấy cát số 2	1.819.543	577.155

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị xin cấp phép là khí thải phát sinh từ lò nung, lò quay và lò sấy cát với tổng lưu lượng khoảng $81.760 \text{ m}^3/\text{giờ}$, trong đó:

- Lò nung số 1: với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng $13.920 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

- Lò nung số 2: với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 13.920 m³/giờ;
- Lò nung số 3: với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 13.920 m³/giờ;
- Lò quay số 1: với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 15.000 m³/giờ;
- Lò quay số 2: với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 15.000 m³/giờ;
- Lò sấy cát số 1: với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 5.000 m³/giờ;
- Lò sấy cát số 2: với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 5.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục 24 giờ

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ giá trị C_{max}, cột B, hệ số K_p = 0,9; K_v=1,0.

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	6 tháng/lần; khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền
2	CO	mg/Nm ³	900	
3	SO ₂	mg/Nm ³	450	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi từ trạm khí hóa than được xử lý thông qua hệ thống Cyclone xử lý bụi khí than trước khi cấp cho lò nung.

- Khí thải từ lò nung sau khi xử lý tại lò nung, theo ống khói có chiều cao 22,5 m thải ra môi trường.

- Khí thải, bụi từ lò quay, lò sấy cát: Bụi tại công đoạn cân, trộn, nghiền nguyên liệu: lắp đặt các hệ thống thiết bị lọc bụi vách ngăn để thu gom, xử lý bụi phát sinh tại các khu vực này.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

a. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ lò khí hóa than

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý bụi từ lò khí hóa than

Bụi được xử lý bằng hệ thống Cyclone trước khi dẫn vào đốt ở lò nung Frit. Cyclone khô có cấu tạo thân hình trụ và đáy hình chóp, dòng không khí nóng chứa bụi theo đường ống dẫn vào Cyclone theo hướng tiếp tuyến với thân hình trụ, tại đây dòng không khí chứa bụi chuyển động theo hình xoắn ốc, dưới tác dụng của lực ly tâm bụi được tách ra khỏi dòng không khí lắng xuống đáy và rơi vào buồng chứa bụi. Không khí nóng được tách bụi chuyển động lên trên và đi ra ngoài Cyclone. Bụi lắng ở buồng chứa định kỳ sẽ thu gom, tập kết trong khuôn

viên nhà máy và tái sử dụng.

- Hóa chất sử dụng: không.

b. Công trình, thiết bị xử lý khí thải từ lò nung

- Tóm tắt quy trình công nghệ

Khí thải từ lò nung được dẫn qua buồng trao đổi và hấp thụ nhiệt (bằng gạch chịu lửa) để hạ nhiệt khí thải đồng thời hấp thụ bụi trong khí thải và bẫy bụi ở đáy buồng trao đổi nhiệt. Khí thải tiếp tục đi qua hệ thống rửa và hấp thụ khí thải tại hệ thống ống khói, khí thải đi theo hệ thống dzích dzắc, nhằm tăng cường quá trình phối trộn, gia tăng độ hòa tan của các khí thải vào dung dịch hấp thụ bằng sữa vôi Ca(OH)_2 nhằm hấp thụ triệt để khí CO_2 và các khí khác. Khí thải ra sau khi qua tháp hấp phụ, theo ống khói xả vào môi trường.

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, giá trị C_{max} ($K_p=0,9$, $K_v = 1,0$), cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

- Hóa chất sử dụng: Ca(OH)_2

c. Công trình, thiết bị xử lý khí thải từ lò quay

- Tóm tắt quy trình công nghệ

Nhà máy có hệ thống 02 lò quay sử dụng nhiên liệu khí đốt hóa lỏng LPG và 02 lò sấy cát sử dụng nhiên liệu củi trấu,... Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý khí thải đi kèm cho hệ thống lò quay và lò sấy cát. Khí thải từ lò quay được đi qua hệ thống xử lý khí thải 2 cấp bằng cyclone lắng xoáy tách bụi, lượng bụi thu được từ đáy cyclon chủ yếu là bụi mịn cát nguyên liệu nên được thu hồi để tái sử dụng; phần khí thải sau xử lý quạt hút, hút và thải ra môi trường bằng ống khói.

- Hóa chất sử dụng: không

Khí thải của Nhà máy sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, giá trị C_{max} ($K_p=0,9$, $K_v = 1,0$), cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Kho chứa than và nơi có vật liệu dễ bắt cháy đã được trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ;

- Khi vận hành lò khí hóa than, Công ty đã thiết lập quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố. Người vận hành thường xuyên kiểm tra thiết bị vận hành an toàn trong mỗi ca làm việc theo quy định;

- Lò khí hóa than đã được xây dựng cao, thoáng, độc lập tạo sự thông thoáng, kết hợp hệ thống kiểm soát áp suất, nhiệt độ tự động và bằng tay có hệ thống áo nước làm mát thân lò, giảm nhiệt độ khí cũng góp phần chống nguy cơ cháy nổ;

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra bảo dưỡng lò khí hóa than, lò nung định kỳ;

- Xây dựng tình huống ứng phó khẩn cấp sự cố lò khí hóa than và tổ chức diễn tập theo định kỳ;

- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng

các hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Stt	Hạng mục	Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm	Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm	Công suất dự kiến
1	Hệ thống xử lý khí thải lò quay số 1	Tháng 3/2023	Tháng 9/2023	80 - 85%
2	Hệ thống xử lý khí thải lò quay số 2			
3	Hệ thống xử lý khí thải lò sấy cát số 1			
4	Hệ thống xử lý khí thải lò sấy cát số 2			

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Vị trí lấy mẫu và thông số quan trắc:

Stt	Vị trí	Thông số quan trắc
1	Ống khói tại lò quay số 01	Lưu lượng, bụi tổng.
2	Ống khói tại lò quay số 02	
3	Ống khói tại lò sấy cát số 01	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi tổng, SO ₂ , NO _x , CO
4	Ống khói tại lò sấy cát số 02	

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, giá trị C_{max} (K_p=0,9, K_v=1,0), cột B.

- Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo). Số đợt quan trắc: 03 đợt mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A nêu trên trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ các hoạt động của dự án

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong phạm vi cơ sở sản xuất

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung:

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Tại các máy hút liệu được bố trí đệm cao su và bố trí các tấm chắn để hạn chế mức ồn gây ra;

- Công ty đã thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng máy móc thiết bị;

- Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên 01 năm/lần để kiểm tra tình trạng sức khỏe cán bộ công nhân;

- Trồng cây xanh quanh Nhà máy tạo dải phân cách, hạn chế sự lan truyền tiếng ồn sang các khu vực lân cận.

- Các máy móc thiết bị rung lớn đều được lắp đặt trên nền bê tông phẳng và chắc chắn, bằng bê tông. Móng bê máy đúc đủ khối lượng, sử dụng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền. Lắp đặt lớp đệm cao su chân máy để giảm rung khi máy hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A nêu trên.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Chủng loại, khối lượng phát sinh:
- Chủng loại, khối lượng phát sinh:

Stt	Loại chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	170	18 02 01	Rắn
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	120	17 02 03	Lỏng
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	9	16 01 06	Rắn
4	Pin, ắc quy thải	22	16 01 12	Rắn
5	Sơn, chất kết dính có các thành phần nguy hại	82	16 01 09	Lỏng/rắn
6	Vật liệu lót và chịu lửa có các thành phần nguy hại không phải từ quá trình luyện kim	67	19 11 03	Rắn
7	Bao bì mềm thải	75	18 01 01	Rắn
Tổng cộng		545		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Loại chất thải rắn thông thường	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Xi than (đã phân định)	04 02 01	700.000	Rắn
2	Bụi thu gom từ công trình, thiết bị xử lý bụi	06 02 04	16.000	Rắn
3	Bùn thải từ tháp hấp thụ khí thải lò nung frit	06 02 05	200	Rắn
4	Bùn thải từ hệ thống XLNT	06 02 10	100	Rắn
5	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý (bao bì mềm, giấy nilong,...)	18 01 05	1.390	Rắn
Tổng cộng			717.690	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 6.060 kg/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Công ty đã bố trí 07 thùng chứa loại 120 lít/thùng có nắp đậy để thu gom chất thải nguy hại. Sau đó, lưu giữ tạm thời tại Kho CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Công ty đã xây dựng nhà kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 40 m².

Kết cấu: Mái tôn, nền lát gạch men, tường bao xây gạch ...

- Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Sông Công thu gom, vận chuyển, xử lý công nghiệp (bao gồm chất thải nguy hại và không nguy hại, chất thải y tế) theo Hợp đồng số 167.22/SC-FRIT ngày 03/01/2022.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Công ty đã trang bị thùng chứa rác bằng nhựa HPDE, dung tích 120 lít/thùng tại các khu vực như xưởng sản xuất, nhà văn phòng và khu nghỉ ngơi của công nhân, dọc đường nội bộ,... để thu gom toàn bộ lượng rác thải phát sinh.

- Công ty đã hợp đồng vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp thông thường với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế theo Hợp đồng vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp thông thường số 12/2022/HĐDVDH ngày 02/01/2022.

2.3. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Xi than: Công ty đã xây dựng khu chứa than và xỉ than, diện tích 1.000 m². Công ty đã hợp đồng thu gom, vận chuyển, tái sử dụng tro xỉ than với Công ty TNHH Coxano - Trường Sơn theo hợp đồng số 02/HĐKT/2020 ngày 03/01/2020 để làm phụ liệu sản xuất gạch tuynel làm vật liệu xây dựng. Trường hợp không chuyển giao cho đơn vị tái sử dụng xỉ than, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý như CTRCN thông thường khác.

- CTR công nghiệp thông thường khác

+ Đối với bụi thu gom từ công trình, thiết bị xử lý bụi, bùn thải từ tháp hấp thụ khí thải lò nung frit: Công ty tiến hành thu gom và tái sử dụng để làm nguyên liệu sản xuất.

+ Đối với bùn thải từ hệ thống XLNT: Công ty định kỳ thu gom, để khô ráo và hợp đồng vận chuyển xử lý như CTRCN thông thường khác của Cơ sở.

+ Đối với bao bì mềm, giấy ni lông,... được thu gom và tập kết tại nhà chứa rác thải, nằm sát nhà chứa CTNH, với diện tích là 35m². Công ty đã hợp đồng vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp thông thường với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế theo Hợp đồng vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp thông thường số 12/2022/HĐDVDH ngày 02/01/2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Công ty đã lắp đặt hệ thống đường ống dẫn nước chữa cháy, lắp đặt các bình chữa cháy; hệ thống điện phục vụ PCCC, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, nguồn điện cấp cho trạm bơm nước chữa cháy; hệ thống chống sét tại khu vực nhà xưởng; hệ thống báo cháy tự động; Công ty đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 307/TD-PCCC ngày 04/12/2018; số 106/TD-PCCC ngày 10/5/2021 và số 117/TD-PCCC ngày 28/6/2022. Công ty đã xây dựng phương án ứng phó khẩn cấp phòng cháy chữa cháy và phương án ứng phó khẩn cấp cứu nạn, cứu hộ đã được Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt và đã tổ chức đào tạo, diễn tập các tình huống ứng phó khẩn cấp theo định kỳ;

- Công ty sử dụng các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao có hồ sơ lý lịch rõ ràng và thực hiện nghiêm ngặt các chế độ kiểm tra, kiểm định định kỳ;

- Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định;

- Công ty đã lập danh mục hóa chất, chủng loại, khối lượng và đặc tính của hóa chất đang sử dụng để quản lý;

- Phối hợp cùng trường đào tạo có đủ chức năng tổ chức đào tạo, tập huấn về an toàn vệ sinh lao động, an toàn hóa chất cho các nhóm đối tượng định kỳ theo quy định;

- Công ty cũng đã xây dựng tình huống ứng phó khẩn cấp sự cố tràn đổ hóa chất và đã tổ chức diễn tập theo quy định./.